

Bản tin chứng khoán

Trong số này

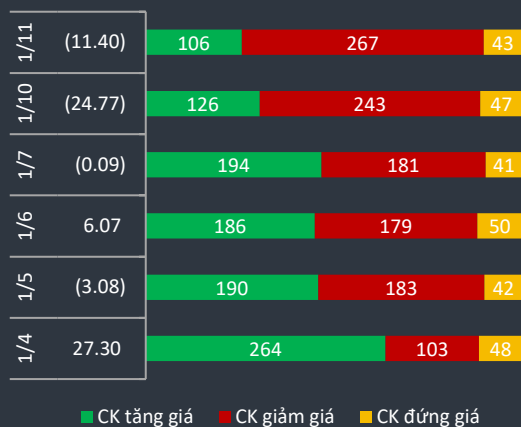
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

DXG		67.30
VIC		51.16
GEX		26.54
KSB		24.58
VCB		24.16
DIG		23.46
LCG		23.30
HSG	(27.04)	
CTG	(28.60)	
MSN	(36.32)	
DGC	(39.06)	
FLC	(44.19)	
VRE	(47.42)	

Thị trường trải qua đủ các cung bậc cảm xúc trong phiên giao dịch hôm nay từ xanh điểm chuyển sang giảm chỉ trong thời gian rất ngắn. Dòng tiền xoay chuyển liên tục mà tâm điểm là nhóm cổ phiếu FLC, ART, ROS. Cú đập sàn hơn 30 triệu cổ phiếu đầu phiên của FLC không là gì khi ngay sau đó lực cầu đã hút trọn vẹn và còn mua ngược kéo xanh trở lại. Tuy nhiên ngay sau đó những cú lượn sóng liên tục của cổ phiếu này làm chóng mặt các nhà đầu tư. Kết phiên FLC khớp lệnh hơn 155 triệu cổ phiếu và giảm -6% - gần sát giá sàn. Các cổ phiếu trong họ như ART, ROS đều dư bán sàn.

Thị trường có vài nhịp hồi nhẹ nhưng về tổng diện vẫn là điều chỉnh với hơn 300 mã giảm so với chỉ 100 cổ phiếu tăng điểm. Hầu hết các nhóm ngành đều mất điểm trừ một số nhóm đi ngang bất động sản KCN, ngân hàng. Cổ phiếu bất động sản dù phần lớn giảm mạnh ở HQC, NDN, TDH, KDH, VHM nhưng vẫn có nhiều cổ phiếu hút tiền mạnh và giữ xanh như DIG, AGG, D2D, LDG, SCR. Cổ phiếu khu công nghiệp cũng phân hóa với SZB, NTC, TIP, BCM tăng mạnh trong khi KBC, IDC, GVR, ITA giảm mạnh.

Cổ phiếu ngân hàng có hơn 2/3 số mã giảm nhưng mức độ rơi không nhiều. VIB, SHB, CTG, ACB giảm khoảng -1%. OCB gần về tham chiếu đứng giá 26. Nhóm tăng điểm có STB, NVB, BID. Cổ phiếu ngân hàng đã điều chỉnh giảm trong 1 tuần gần đây gần 5% và nhiều cổ phiếu đang gần với điểm hỗ trợ ngắn hạn. Nhóm chứng khoán còn ảm đạm hơn khi hầu hết đều mất điểm nặng nhất là CTS, VND, VCI, HCM, SHS đều rơi trên -5%.

Thông tin vào cuối ngày giao dịch liên quan đến việc tập đoàn Tân Hoàng Minh xin bỏ cọc đầu giá khu đất Thủ Thiêm và việc hủy giao dịch bán chui 75 triệu cổ phiếu FLC của ông Trịnh Văn Quyết. Trước đây ông Quyết đã từng bán chui 57 triệu FLC nhưng chỉ bị phạt 65 triệu đồng. Giao dịch của FLC dự kiến còn nhiều xáo trộn trong các phiên trước tuy nhiên ở vùng giá hiện tại việc bán dần nên ưu tiên hơn là nắm giữ.

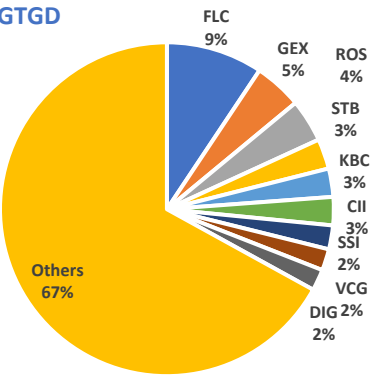
Vnindex 1,492.31
▼ -11.4 (-0.76%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	75.2	4,900	6.97
STB	32.5	850	2.69
BID	39.4	550	1.42
GAS	103.3	1,300	1.27
PNJ	94.1	900	0.97
NVL	84.5	600	0.72
SAB	152.9	900	0.59
VJC	123.8	-	-
VNM	83.7	-	-
VCB	79.4	(100)	(0.13)
VPB	34.3	(100)	(0.29)
TCB	48.5	(200)	(0.41)
POW	18.7	(100)	(0.53)
TPB	40.2	(250)	(0.62)
HVN	23.1	(150)	(0.65)
MBB	27.9	(200)	(0.71)
ACB	32.8	(250)	(0.76)
MWG	131.8	(1,200)	(0.90)
CTG	33.0	(300)	(0.90)
PDR	92.6	(900)	(0.96)
HDB	29.3	(300)	(1.01)
HPG	45.1	(550)	(1.20)
VIC	101.0	(1,300)	(1.27)
DHG	106.9	(1,600)	(1.47)
PLX	54.1	(900)	(1.64)
BVH	53.8	(900)	(1.65)
VIB	44.7	(800)	(1.76)
VHM	83.6	(1,800)	(2.11)
VRE	34.2	(800)	(2.29)
GVR	36.8	(900)	(2.39)
FPT	89.5	(2,500)	(2.72)
SSI	48.1	(1,450)	(2.93)
REE	66.0	(2,100)	(3.08)
MSN	144.9	(8,100)	(5.29)



Top GTGD



Chỉ số Vnindex cuối phiên giảm hơn 11 điểm và chính thức rơi xuống dưới ngưỡng 1500 điểm. Trong 2 phiên đầu tuần nhóm cổ phiếu bất động sản biến động mạnh đặc biệt là những nhóm cổ phiếu có tính đầu cơ cao như họ FLC. Chính sự biến động này làm tác động khá lớn đến dòng tiền chung của thị trường tạo ra những nhịp rung lắc khó đoán. Những tin tức cuối ngày hôm nay sẽ ảnh hưởng mạnh đến tâm lý đầu tư trong phiên ngày mai. Khả năng nhóm cổ phiếu bất động sản sẽ còn bị áp lực bán trong vài phiên tới. Thị trường sẽ còn điều chỉnh thêm vài phiên tuy nhiên sau phiên ngày mai nhà đầu tư đã có thể chờ tích lũy trở lại nhóm cổ phiếu cơ bản.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VIB	44.7	(4.8)	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-4.9%
MBB	27.9	(2.7)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	-3.8%
DBC	71.0	(3.0)	70	90	Mua quanh 74	1/6/2022	-4.1%
OCB	26.0	(5.7)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	13.0%
TCB	48.5	(4.1)	50	75	Nắm giữ. Mua thêm quanh 50	11/24/2021	-6.7%
MWG	131.8	(3.6)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-2.4%
DGW	120.1	(4.3)	120	150	Mở mua mới quanh 125. Mục tiêu 150	1/4/2022	-3.9%
PET	37.2	5.8	25	45	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	32.9%
LCG	25.4	9.3	15	30	Nắm giữ, mục tiêu 30	9/28/2021	81.4%
GVR	36.8	(0.4)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	25.2%
HCM	41.7	(5.7)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	22.6%
VCI	64.4	(8.5)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	31.4%
SSI	48.1	(6.2)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	45.8%
HPG	45.1	(2.2)	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	0.2%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TDC	6.93
HCD	6.94
LCG	6.96
DIG	6.96
SGR	6.97
TIP	6.98
NBB	6.99
TNA	6.99

Top tăng giá HNX

PLC	5.83
DC4	6.86
CMC	8.62
PDC	8.97
C92	9.57
ECI	9.70
HTP	9.83
V12	9.84
DC2	9.88
CEO	9.96
L14	10.00
S74	14.58

GAB - CTCP Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản FLC - Ngày 14/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 17/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 8%, tương đương GAB sẽ phát hành thêm hơn 1,1 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

CRE - CTCP Bất động sản Thế Kỷ - Dự kiến phát hành thêm hơn 262 triệu cổ phiếu, trong đó gần 60,5 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 30% và gần 201,6 triệu cổ phiếu chào bán 1:1 cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu đạt kỳ vọng, vốn điều lệ của Cen Land sẽ tăng từ 2.016 tỷ đồng lên hơn 4.637 tỷ đồng, tức gấp hơn 2 lần.

HPG - Tập đoàn Hòa Phát - Tháng 12/2021 đạt sản lượng bán hàng các sản phẩm thép đạt 799.000 tấn, tăng 14% so với cùng kỳ. Trong đó, thép xây dựng thành phẩm là 353.000 tấn, tăng 10%.

TCH - CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Thông báo, ngày 14/1 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 25:2 (cổ đông sở hữu 25 cổ phiếu được nhận 2 cổ phiếu mới), tương đương TCH sẽ phát hành thêm hơn 49,49 triệu cổ phiếu trong đợt này.

PGI - Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex – Đã thông qua việc triển khai phương án phát hành hơn 22,17 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100:25. Thời gian thực hiện trong quý II/2022.

DL1 - CTCP Tập đoàn Alpha Seven - Alpha Seven dự kiến phát hành hơn 5,05 triệu cổ phiếu phổ thông trả cổ tức theo tỷ lệ 100:5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 5 cổ phiếu mới). Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá hơn 50,5 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2020 trên báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn.

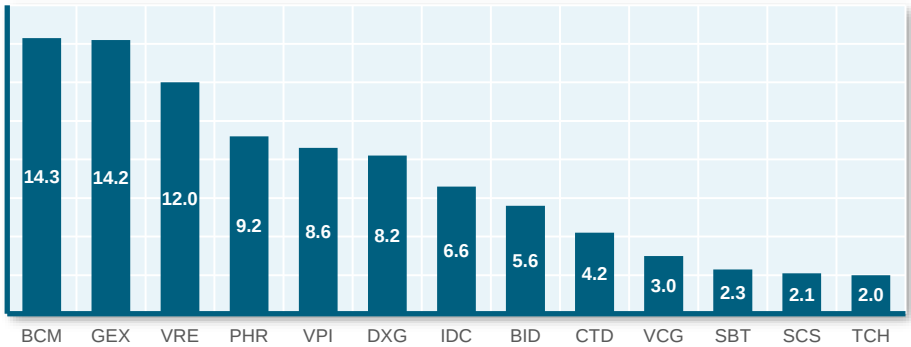
ABT - CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre - Ngày 19/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 20/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/1/2022.

SAF - CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco - Ngày 14/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 17/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 30%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/1/2022.

GKM - CTCP Khang Minh Group - Dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 kế hoạch đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bắc Bãi Thơm – Phú Quốc, với tổng giá trị đầu tư trong năm 2022 là trên 800 tỷ đồng, trong tổng mức đầu tư Dự án là 16.250 tỷ đồng.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



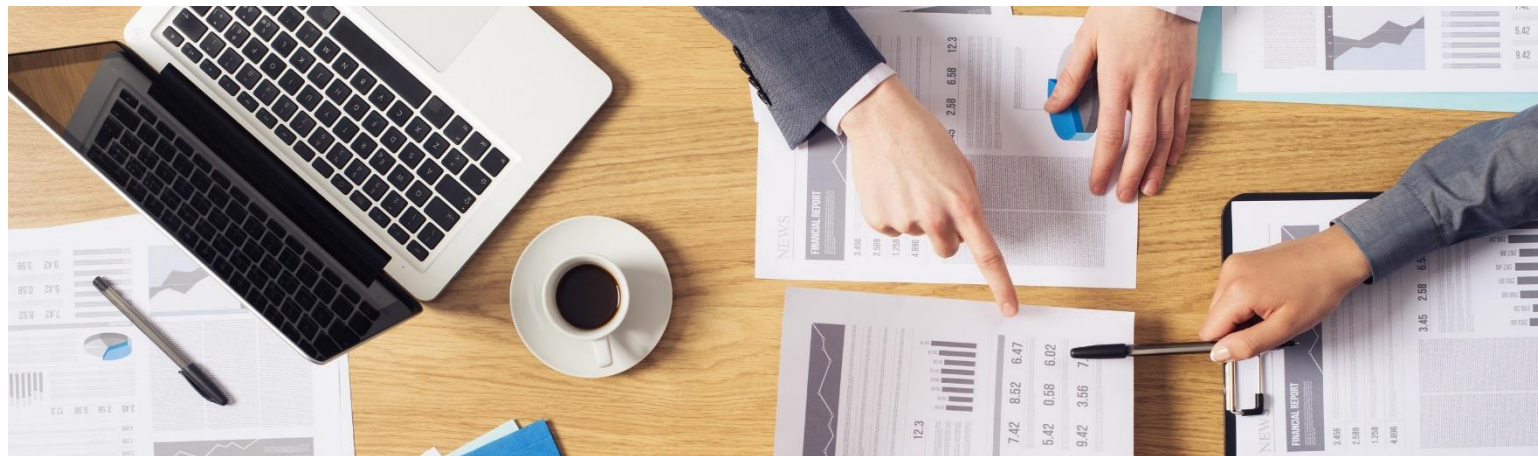
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	34.3	9,312,300	6.8	1.4	-	326,400	152,480	15.20	5,056	24,447
VIB	HOSE	44.7	1,697,800	7.9	3.3	6,800	5,300	69,425	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	79.4	952,700	14.4	2.8	422,700	117,900	375,762	18.46	5,532	28,293
VBB	HNX	17.9	36,571	21.6	1.5	-	-	8,551	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.7	1,136,851	14.8	1.3	-	-	7,876	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	40.2	4,830,300	8.8	2.1	62,400	67,000	63,587	29.32	4,565	18,925
TCB	HOSE	48.5	7,296,500	10.5	2.0	-	-	170,104	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	32.5	29,595,900	16.9	1.9	1,558,800	1,291,600	61,175	17.81	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.1	1,542,500	22.7	3.2	9,800	100	57,735	0.05	1,723	12,310
SHB	HOSE	21.1	10,186,100	9.7	1.5	66,200	107,100	56,138	2.61	2,183	14,014
SGB	HNX	20.2	875,412		1.7	-	-	6,222	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	33.2	177,927	44.9	2.5	-	-	9,960	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.0	1,957,600	6.8	1.5	102,900	115,900	35,617	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	39.5	443,845		3.7	4,500	2,700	16,069	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	19.8	401,424	5.9	1.2	500	-	10,166	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.6	6,528,700	8.1	1.5	-	-	40,632	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.9	6,839,700	7.2	1.4	1,666,100	1,654,300	105,415	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.5	5,765,800	8.3	1.5	112,000	176,600	25,877	4.09	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.9	154,948	12.2	1.8	-	-	9,001	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	29.3	4,728,700	7.6	1.7	227,500	109,200	58,958	17.13	3,854	17,399
EIB	HOSE	33.1	997,700	37.9	2.4	33,000	34,900	40,633	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	33.0	7,061,400	7.5	1.3	993,900	1,854,300	158,590	25.74	4,394	25,028
BVB	HOSE	21.6	2,725,289	18.7	1.7	-	-	7,929	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	39.4	4,276,500	15.7	1.9	361,200	24,600	199,306	13.28	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.5	37,075	23.7	1.8	-	-	16,946	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.8	6,395,100	7.1	2.2	20,000	20,000	88,489	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.0	2,111,110	7.5	1.3	-	-	11,998	30.00	2,801	16,671
			118,065,752	14.12	1.92	5,648,300	5,907,900	1,864,637		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ASM	HOSE	14/01/2022	17/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	BSP	UPCoM	13/01/2022	14/01/2022	27/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	GDT	HOSE	10/1/2022	11/1/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
4	VNM	HOSE	10/1/2022	11/1/2022	25/02/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DHA	HOSE	10/1/2022	11/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SAB	HOSE	7/1/2022	10/1/2022	27/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HTC	HNX	7/1/2022	10/1/2022	26/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DPH	UPCoM	7/1/2022	10/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NDW	UPCoM	6/1/2022	7/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BST	HNX	6/1/2022	7/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ACC	HOSE	6/1/2022	7/1/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:25, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	TLG	HOSE	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VXT	UPCoM	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BWS	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HD6	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	NTL	HOSE	4/1/2022	5/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TBC	HOSE	31/12/2021	4/1/2021	21/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	NSC	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	28/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BCF	HNX	31/12/2021	4/1/2022	17/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BWE	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	21/04/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SIV	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	EMS	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:909	Thưởng cổ phiếu
28	TDM	HOSE	30/12/2021	31/12/2021	26/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931